

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mã chứng khoán: **ICI**

Địa chỉ: Số 158 phố Hạ Đình, phường Khương Đình, Tp.Hà Nội

Điện thoại: (024) 3858 3052

Fax: (024) 3858 3013

E-mail: Info@ici.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo Tài chính tổng hợp năm 2025 (Đã được kiểm toán)
- CV số 26/ICIC-TCKT ngày 26/3/2026 về việc : Báo cáo giải trình Báo cáo tài chính năm 2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/3/2026 tại đường dẫn <http://ici.com.vn/tin-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo TC năm 2025(Đã được kiểm toán)
- Công văn số 26/ICIC-TCKT ngày 26/3/2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người được UQ CBTT



Phan Hữu Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 26/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp là 0101482060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (Nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 20/4/2004, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 15 ngày 11/02/2026 do thay đổi danh mục ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 11/02/2026 là: 40.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng*).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã ICI.

Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 04/4/2025 theo Quyết định số 225/QĐ-SGDHN ngày 31/3/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Gia Hưng	Chủ tịch
Ông Vũ Khắc Đáp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Nhất Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Văn Viện	Thành viên (Từ trần ngày 21/7/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Quang Cường	Trưởng ban
Ông Đỗ Văn Hùng	Thành viên
Ông Đinh Viết Thường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Nhất Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Gia Hưng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay chưa;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Nhất Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Số: 109/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp, được lập ngày 19 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2025, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132, 136) tồn đọng là 58,35 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 63,34 tỷ VND); số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 319) tồn đọng là 44,09 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 50,04 tỷ VND). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết về tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, theo đó chúng tôi không xác định được các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

197
TY
H
ÁN
NAI
31

Tại ngày 31/12/2025, trên khoản mục Hàng tồn kho (Mã số 140) của Công ty, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến một số công trình tồn đọng chưa được thực hiện quyết toán với số tiền là 11,06 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 24,22 tỷ VND). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục để xem xét số dư này, tuy nhiên các thủ tục thực hiện chưa giúp chúng tôi thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hợp lý và khả năng thu hồi của khoản chi phí này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 250) của Công ty có số dư là 13,64 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 13,91 tỷ VND). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục để xem xét số dư này, tuy nhiên các thủ tục mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá sự suy giảm giá trị và ước tính số dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập bổ sung. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Lê Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		152.702.307.711	166.333.613.028
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.149.879.080	9.198.373.639
1. Tiền	111		7.149.879.080	7.198.373.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.900.000.000	6.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	3.900.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.528.558.269	105.928.321.484
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	41.210.164.492	36.924.426.147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	495.696.214	7.632.576.648
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	62.572.639.625	65.121.260.751
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(3.749.942.062)	(3.749.942.062)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	32.947.852.610	37.457.005.759
1. Hàng tồn kho	141		32.947.852.610	37.457.005.759
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.176.017.752	7.749.912.146
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.086.975.053	7.660.869.447
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	89.042.699	89.042.699
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		17.343.443.239	17.356.765.513
II. Tài sản cố định	220		3.313.915.983	3.447.238.943
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	231.206.909	364.529.869
- Nguyên giá	222		14.023.821.735	14.023.821.735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.792.614.826)	(13.659.291.866)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.082.709.074	3.082.709.074
- Nguyên giá	228		3.082.709.074	3.082.709.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	13.639.526.570	13.909.526.570
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		10.800.000.000	10.800.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.500.000.000	4.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.660.473.430)	(1.390.473.430)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		390.000.686	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	390.000.686	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		170.045.750.950	183.690.378.541

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		120.346.339.082	133.672.951.308
I. Nợ ngắn hạn	310		120.346.339.082	133.672.951.308
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	86.856.448.883	97.484.109.564
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	11.549.636.161	15.177.802.676
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.215.074.804	927.100.787
4. Phải trả người lao động	314		371.607.592	362.545.592
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.350.161.734	1.718.552.634
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	18.834.919.858	17.840.460.377
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		168.490.050	162.379.678
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		49.699.411.868	50.017.427.233
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	49.699.411.868	50.017.427.233
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		758.266.000	758.266.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.227.330.000	3.227.330.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.713.815.868	6.031.831.233
- LNST chưa phân phối	421a		5.415.744.768	5.495.171.892
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		298.071.100	536.659.341
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		170.045.750.950	183.690.378.541

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Giám đốc

Đỗ Trung Dũng

Đỗ Trung Dũng

Nguyễn Nhật Tuấn



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆPSố nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	67.626.629.153	113.410.102.475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		67.626.629.153	113.410.102.475
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	63.369.490.228	108.589.947.408
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.257.138.925	4.820.155.067
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	843.863.708	955.384.292
7. Chi phí tài chính	22	6.4	354.141.443	653.719.033
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		84.141.443	293.719.033
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	4.515.748.020	4.569.399.874
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		231.113.170	552.420.452
11. Thu nhập khác	31	6.6	523.076.603	765.905.440
12. Chi phí khác	32	6.6	340.849.079	530.429.759
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	182.227.524	235.475.681
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		413.340.694	787.896.133
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	109.159.222	249.006.506
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		304.181.472	538.889.627
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	6.9	76	135

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Trung Dũng



Đỗ Trung Dũng



Nguyễn Nhất Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	413.340.694	787.896.133
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	133.322.960	301.835.814
- Các khoản dự phòng	03	270.000.000	360.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(843.863.708)	(955.384.292)
- Chi phí lãi vay	06	84.141.443	293.719.033
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.941.389	788.066.688
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.194.212.211	1.882.955.744
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.509.153.149	3.075.505.088
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(13.327.849.520)	(25.157.282.117)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(390.000.686)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(82.769.390)	(293.719.033)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(207.317.832)	(235.104.415)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(35.354.931)	(13.334.967)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.282.985.610)	(19.952.913.012)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.100.000.000	16.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	240.490.451	348.187.480
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.340.490.451	12.848.187.480
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	105.999.400	(410.639.543)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	105.999.400	(410.639.543)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(1.836.495.759)	(7.515.365.075)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.198.373.639	16.713.738.714
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70 5.1	7.361.877.880	9.198.373.639

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Trung Dũng

Đỗ Trung Dũng



Nguyễn Nhất Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp được chuyển đổi từ hình thức Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 26/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp là 0101482060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (Nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 20/4/2004, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 15 ngày 11/02/2026 do thay đổi danh mục ngành nghề kinh doanh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INDUSTRIAL CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: ICIC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 11/2/2026 là: 40.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã ICI.

Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 04/4/2025 theo Quyết định số 225/QĐ-SGDHN ngày 31/3/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025: 55 người (tại ngày 01/01/2025 là 58 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 11/2/2026 ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp như sau:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự);
- Lắp đặt hệ thống điện, Chi tiết: lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở, công trình dân dụng và công nghiệp gồm dây dẫn, thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính, dây cáp truyền hình bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy, báo động chống trộm, tín hiệu điện, đèn phố;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, kim thu sét;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Không bao gồm kinh doanh: Hoạt động thiết kế công trình trong ngành nghề này); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng loại công trình hạ tầng, thủy lợi, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình xây dựng - hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình đường bộ; Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn; Thiết kế công trình kỹ thuật; Thiết kế công trình giao thông; Thiết kế công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, kỹ thuật và dự toán, quyết toán công trình xây dựng; - Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng; - Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; - Khảo sát, thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thí nghiệm, kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, công trình, công trình xây dựng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xử lý, phòng chống mối mọt (chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Chi tiết: - Tư vấn đầu tư;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Chi tiết: - Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Chi tiết: - Sản xuất rượu và nước giải khát có cồn; Bán buôn đồ uống; Chi tiết: - Kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Chi tiết: - Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: - Kinh doanh phương tiện phòng cháy chữa cháy (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật); Bán buôn máy móc thiết bị thi công san lấp mặt bằng;
- Tái chế phế liệu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống bơm cho phòng cháy chữa cháy;
- Dịch vụ cảnh quan;
- Đào tạo trung cấp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản; Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và tư vấn pháp luật về bất động sản);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Dịch vụ quản lý bất động sản (Trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và tư vấn pháp luật về bất động sản);
- Hoạt động liên quan đến du lịch khác./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Thi công xây lắp các công trình và cho thuê tài sản...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây lắp của Công ty phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Danh sách Công ty liên kết của Công ty

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<i>Công ty liên doanh, liên kết</i>					
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp 24 - ICIC	Thanh Xuân, Hà Nội	Xây lắp	24%	24%	24%
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 3	Thanh Xuân, Hà Nội	Xây lắp	20%	20%	20%
Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng Công nghiệp	Thanh Xuân, Hà Nội	Tư vấn, Xây lắp	20%	20%	20%
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 9	Phường Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, Xây lắp	20%	20%	20%

Các Đơn vị trực thuộc của Công ty

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Xí nghiệp Xây dựng số 1	Số 158 Hạ Đình, Phường Khương Đình, TP. Hà Nội
Chi nhánh Xí nghiệp Xây dựng số 5 (dừng hoạt động)	Số 158 Hạ Đình, Phường Khương Đình, TP. Hà Nội
Chi nhánh Xí nghiệp Xây dựng số 7 (dừng hoạt động)	Số 158 Hạ Đình, Phường Khương Đình, TP. Hà Nội

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác***

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên BCKQ hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập bình quân tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và Khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác	03 - 08

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí chi phí sửa chữa văn phòng chờ phân bổ.

Chi phí trả trước dài hạn được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả Công ty liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay và cho các đội vay.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay, hoặc các điều khoản cho vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu công trình: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Các Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng, thu nhập khác***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Doanh thu cho thuê tài sản**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, cho thuê tài sản trong kỳ được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh xây lắp, hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ do đó toàn bộ doanh thu, chi phí, và các tài sản, công nợ chỉ phục vụ duy nhất cho hoạt động này... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	457.813.091	340.796.763
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.692.065.989	6.857.576.876
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng)	-	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	-	2.000.000.000
Tổng	7.149.879.080	9.198.373.639

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	3.900.000.000	3.900.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 12 tháng gửi tại:</i>				
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Xuân (*)	3.900.000.000	3.900.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng	3.900.000.000	3.900.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng với lãi suất 4,16% đến 4,7%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	41.210.164.492	36.924.426.147
Công ty CP Tập đoàn Thăng Long (HĐ 2021)	5.357.546.351	5.357.546.351
Làng văn hóa các dân tộc VN	863.766.000	692.238.000
Cơ sở tạm giữ CA quận Gò Vấp	790.126.310	5.846.562.913
Trường CĐ công nghiệp Hưng yên	518.688.000	1.018.688.000
Trường THCS Liên Mạc - HĐ 2022	5.284.153.000	2.543.845.000
Cung thể thao tổng hợp Quận Ngừa	3.841.660.991	-
Các khách hàng khác	24.554.223.840	21.465.545.883
Tổng	41.210.164.492	36.924.426.147
<i>Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.989.004.424</i>	<i>1.989.004.424</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mẫu số B 09 - DN

Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	495.696.214	7.632.576.648
Công ty CP thương mại và XD BTS	241.374.660	-
Công ty TB điện Hưng Phát (TB điện) - HTME	-	1.448.335.819
Công ty Tư vấn và Đầu tư 3S Việt	-	2.691.106.909
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	254.321.554	3.493.133.920
Tổng	495.696.214	7.632.576.648

5.5 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	62.572.639.625	(1.967.137.201)	65.121.260.751	(1.967.137.201)
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	-	-	192.698.000	(192.698.000)
Công ty Xây lắp hóa chất H76	164.389.558	(164.389.558)	539.872.990	(539.872.990)
Công ty CP Công nghiệp và Xây dựng Thăng Long	-	-	390.949.581	(390.949.581)
Công ty CP tư vấn thiết kế kiến trúc và XDCN	110.342.110	-	132.453.438	-
Bảo hiểm xã hội	1.061.634	-	1.061.634	-
Tạm ứng	166.387.555	-	591.982.283	-
Phải thu các Đội, đơn vị trực thuộc và Phải thu khác	62.130.458.768	(1.802.747.643)	63.272.242.825	(843.616.630)
Tổng	62.572.639.625	(1.967.137.201)	65.121.260.751	(1.967.137.201)
<i>Trong đó phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>110.342.110</i>	<i>-</i>	<i>548.129.999</i>	<i>-</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆPSố nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	3.749.942.062	-	3.749.942.062	-
<i>Trong đó:</i>			Khoản mục	Quá hạn trên 3 năm
Trường PTTH Phúc Trạch (XN18)			131	192.719.000
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp dân dụng 36 (XN4)			131	607.637.843
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc			138	192.698.000
Công ty Xây lắp hóa chất H76			138	539.872.990
Công ty CP Công nghiệp và Xây dựng Thăng Long			138	390.949.581
Vũ gia Cát - Đội XDGT			138	54.360.979
Công ty Bông Mai (XN5)				781.880.000
Nguyễn Quốc Việt (XN7)				269.783.125
Lê Đình Ân (XN7)				254.074.526
Các đối tượng khác				465.966.018
Tổng				3.749.942.062

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	32.947.852.610	-	37.457.005.759	-
Tổng	32.947.852.610	-	37.457.005.759	-

(*) Chi tiết các công trình sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
CT thể thao Quần Ngựa	1.480.066.710	1.961.732.814
Chợ Lãng Cô Huế (XN1)	2.577.158.910	6.299.459.055
Công ty TNHH Vân đồn Hạ long (XN1)	5.367.143.701	5.367.143.701
Khu nhà SV, Nhà Học TN ĐH Sư phạm HN2 (XN1)	2.304.545.409	2.304.545.409
CT007: Công trình Quảng Ninh (XN5)	12.789.188.351	12.789.188.351
Công trình điện nước Tuyên Quang (XN1)	2.542.064.842	3.238.223.920
Các công trình khác	5.887.684.687	5.496.712.509
Tổng	32.947.852.610	37.457.005.759

Trong đó, tổng giá trị các công trình dở dang tồn đọng chưa được thực hiện quyết toán với số tiền là 11,06 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 24,22 tỷ VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mẫu số B 09 - DN

Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	31/12/2025
Thuế giá trị gia tăng	87.042.699	-	-	87.042.699
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.000.000	-	-	2.000.000
Tổng	89.042.699	-	-	89.042.699

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	7.931.936.221	4.774.274.919	1.074.533.322	243.077.273	14.023.821.735
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	7.931.936.221	4.774.274.919	1.074.533.322	243.077.273	14.023.821.735
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	7.567.406.352	4.774.274.919	1.074.533.322	243.077.273	13.659.291.866
Tăng trong năm	133.322.960	-	-	-	133.322.960
Khấu hao trong năm	133.322.960	-	-	-	133.322.960
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	7.700.729.312	4.774.274.919	1.074.533.322	243.077.273	13.792.614.826
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	364.529.869	-	-	-	364.529.869
Tại 31/12/2025	231.206.909	-	-	-	231.206.909

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm ngày 31/12/2025 với giá trị là 11.536.142.117 VND (tại ngày 01/01/2024 là 9.329.370.481 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mẫu số B 09 - DN

Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	3.082.709.074	3.082.709.074
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	3.082.709.074	3.082.709.074
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	3.082.709.074	3.082.709.074
Tại 31/12/2025	3.082.709.074	3.082.709.074

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mẫu số B 09 - DN

Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(3) Công ty Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107511409 cấp lần đầu ngày 19/07/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 1.500.000.000 VND.

(4) Công ty Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 9, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314178308 cấp lần đầu ngày 30/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 VND.

(5) Công ty Đầu tư và Cơ giới Xây dựng, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104912547 cấp lần đầu ngày 15/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 VND.

(6) Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800727161 cấp lần đầu ngày 08/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND.

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dài hạn	390.000.686	-
Chi phí sửa chữa Văn phòng Phía Nam	390.000.686	-
Tổng	390.000.686	-

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	86.856.448.883	86.856.448.883	97.484.109.564	97.484.109.564
Công ty CP BK Việt Nam	5.419.404.245	5.419.404.245	5.419.404.245	5.419.404.245
Công ty CPXD và TM Tùng Sơn	456.723.300	456.723.300	614.513.179	614.513.179
Công ty CP thương mại Hoàng Anh	2.955.493.503	2.955.493.503	1.100.282.503	1.100.282.503
Công ty TM BĐS Phú Gia	1.918.027.161	1.918.027.161	358.230.161	358.230.161
Đội xây lắp Ông Nguyễn Minh Nghĩa	7.485.302.955	7.485.302.955	7.407.261.645	7.407.261.645
Đội xây lắp Ông Cao Minh Châu	10.583.008.632	10.583.008.632	12.506.072.593	12.506.072.593
Đội xây lắp Ông Trần Hoàng Nguyên	7.000.836.679	7.000.836.679	7.000.836.679	7.000.836.679
Đội xây lắp Ông Vũ Văn Tấn	8.592.323.884	8.592.323.884	9.065.050.461	9.065.050.461
Các nhà cung cấp khác	9.238.044.351	9.238.044.351	8.111.714.557	8.111.714.557
Các khoản phải trả các đội Xây lắp khác tại VPCT, XN1, XN5, XN7	33.207.284.173	33.207.284.173	45.900.743.541	45.900.743.541
Tổng	86.856.448.883	86.856.448.883	97.484.109.564	97.484.109.564

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mẫu số B 09 - DN

Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	11.549.636.161	15.177.802.676
Cải tạo, sửa chữa nhà A,B - Trường CĐNT Hà Nội	3.681.194.161	-
Cung thể thao tổng hợp Quần Ngựa	-	11.865.381.871
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand Home - DA nhà ở xã hội	5.868.442.000	-
Công ty Cổ phần XD CDC - CT Chung cư Huế	2.000.000.000	-
Các khách hàng khác	-	3.312.420.805
Tổng	11.549.636.161	15.177.802.676

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
Thuế giá trị gia tăng	679.055.265	403.919.263	5.000.000	1.077.974.528
Thuế TNDN	205.394.232	109.159.222	207.084.583	107.468.871
Thuế thu nhập cá nhân	42.651.290	113.438.215	126.458.100	29.631.405
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	318.198.758	318.198.758	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Tổng	927.100.787	950.715.458	662.741.441	1.215.074.804

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	1.350.161.734	1.718.552.634
Trích trước các công trình	1.166.472.534	1.272.332.234
Chi phí lãi vay phải trả	183.689.200	446.220.400
Tổng	1.350.161.734	1.718.552.634

5.17 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	18.834.919.858	17.840.460.377
- Kinh phí công đoàn;	160.314.318	140.688.998
- Cổ tức phải trả	1.226.043.440	1.332.042.840
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	17.448.562.100	16.367.728.539
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 24	251.007.573	251.000.573
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 9	-	1.550.794.357
Phải trả các Đội xây lắp và phải trả khác	17.197.554.527	14.565.933.609
Tổng	18.834.919.858	17.840.460.377

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

2.953.927.984 **2.514.703.508**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mẫu số B 09 - DN

Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	40.000.000.000	758.266.000	3.227.330.000	6.295.171.892	50.280.767.892
Lãi trong năm trước	-	-	-	538.889.627	538.889.627
Chia trả cổ tức	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Trích lập quỹ tại XN1	-	-	-	(2.230.286)	(2.230.286)
Số dư tại 31/12/2024	40.000.000.000	758.266.000	3.227.330.000	6.031.831.233	50.017.427.233
Số dư tại 01/01/2025	40.000.000.000	758.266.000	3.227.330.000	6.031.831.233	50.017.427.233
Lãi trong năm nay	-	-	-	304.181.472	304.181.472
Trích lập quỹ tại XN1	-	-	-	(6.110.372)	(6.110.372)
Xử lý công nợ theo BB hợp của HĐQT	-	-	-	(616.086.465)	(616.086.465)
Số dư tại 31/12/2025	40.000.000.000	758.266.000	3.227.330.000	5.713.815.868	49.699.411.868

Nghị Quyết số 09/NQ-ICIC-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 đã thông nhất giữ lại lợi nhuận năm 2024 Công ty không chia cổ tức để giải quyết tồn tại cũ của XNXD Số 5 và XNXD số 7, tạo nguồn dự phòng, tìm kiếm công việc, nếu còn sẽ cộng dồn lợi nhuận chia cổ tức vào các năm sau.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	14.400.000.000	14.400.000.000
Các cổ đông khác	25.600.000.000	25.600.000.000
Tổng	40.000.000.000	40.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	800.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.227.330.000	3.227.330.000
Tổng	3.227.330.000	3.227.330.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động Xây lắp	65.292.430.763	110.839.366.844
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.334.198.390	2.570.735.631
Tổng	67.626.629.153	113.410.102.475
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>372.669.309</i>	<i>390.714.764</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn hoạt động Xây lắp	62.947.128.510	107.918.230.220
Giá vốn cho thuê văn phòng	422.361.718	671.717.188
Tổng	63.369.490.228	108.589.947.408

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	843.863.708	955.384.292
Tổng	843.863.708	955.384.292

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	84.141.443	293.719.033
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	270.000.000	360.000.000
Tổng	354.141.443	653.719.033

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.191.998.659	3.247.917.710
Chi phí khấu hao	29.160.000	19.623.528
Thuế, phí, lệ phí	39.940.927	12.718.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.437.901	87.299.527
Chi phí khác bằng tiền	1.050.210.533	1.201.840.271
Tổng	4.515.748.020	4.569.399.874

6.6 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ phí bảo lãnh hợp đồng	92.753.768	121.323.034
Xử lý công nợ theo biên bản kiểm tra thuế	196.758.925	409.002.235
Thu hộ tiền điện và các khoản thu nhập khác	233.563.910	235.580.171
Tổng	523.076.603	765.905.440
Chi phí khác		
Tiền thuế và tiền phạt chậm nộp	-	140.693.025
Chi trả phí bảo lãnh hợp đồng	87.670.091	154.156.555
Chi trả hộ tiền điện và các khoản chi khác	253.178.988	235.580.179
Tổng	340.849.079	530.429.759
Lợi nhuận (lỗ) khác	182.227.524	235.475.681

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.972.626.428	25.556.946.230
Chi phí nhân công	4.546.185.405	6.482.705.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.322.960	301.835.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.965.767.064	66.508.885.300
Chi phí khác bằng tiền	1.758.183.242	4.337.544.572
Tổng	63.376.085.099	103.187.917.382

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mẫu số B 09 - DN

Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận trước thuế TNDN	413.340.694	787.896.133
Các khoản điều chỉnh tăng	132.455.415	248.693.025
Thu nhập chịu thuế TNDN	545.796.109	1.036.589.158
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	109.159.222	207.317.832
Thuế TNDN bị truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	-	41.688.674
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	109.159.222	249.006.506

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	304.181.472	538.889.627
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	304.181.472	538.889.627
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	76	135

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý vốn Minh An	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp 24 - ICIC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng Công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới Xây dựng	Công ty đầu tư khác
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Công ty đầu tư khác
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên lân cận trong gia đình của các cá nhân là các Bên liên quan.	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giao dịch bán hàng			372.669.309	390.714.764
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 9	Công ty liên kết	Dịch vụ	130.500.000	174.000.000
Công ty CP tư vấn TK kiến trúc và XDCN	Công ty liên kết	Dịch vụ	115.367.564	115.367.564
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 3	Công ty liên kết	Dịch vụ	126.801.745	101.347.200

b) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng			1.989.004.424	1.989.004.424
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp Việt Nam	Cổ đông lớn	Phải thu khách hàng	1.989.004.424	1.989.004.424
Phải thu khác			110.342.110	548.129.999
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 3	Công ty liên kết	Phải thu khác	-	32.876.561
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 9	Công ty liên kết	Phải thu khác	-	382.800.000
Công ty CP tư vấn thiết kế kiến trúc và XDCN	Công ty liên kết	Phải thu khác	110.342.110	132.453.438
Phải trả khác			2.953.927.984	2.514.703.508
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp 24 - ICIC	Công ty liên kết	Phải trả khác	251.007.573	251.000.573
		Dư có phải thu khác	702.920.411	702.920.411
Công ty CP tư vấn thiết kế kiến trúc và XDCN	Công ty liên kết	Phải trả khác	-	1.550.794.357
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 9	Công ty liên kết	Dư có phải thu khác	-	9.988.167

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Mẫu số B 09 - DN

Số nhà 158, phố Hạ Đình, Phường Khương Đình,
TP. Hà Nội, Việt Nam.

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**c) Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Họ tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Gia Hưng	Chủ tịch	36.000.000	36.000.000
Ông Vũ Khắc Đáp	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Nhất Tuấn	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Đinh Văn Viện	Thành viên (Từ trần ngày 21/7/2025)	14.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Vinh	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Tổng		122.000.000	132.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ông Đặng Quang Cường	Trưởng ban	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Văn Hùng	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Đinh Viết Thường	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Người phụ trách Quản trị Công ty	12.000.000	12.000.000
Tổng		60.000.000	60.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Nguyễn Nhất Tuấn	Tổng Giám đốc	180.975.000	203.928.000
Ông Đỗ Trung Dũng	Kế toán trưởng	150.533.000	148.868.000
Ông Phan Hữu Nam	Người được ủy quyền công bố thông tin	114.758.000	111.648.000
Tổng		446.266.000	464.444.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Đỗ Trung Dũng



Đỗ Trung Dũng



Nguyễn Nhất Tuấn

Số 26/ICIC-TCKT
V/v báo cáo giải trình BCTC năm 2025

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - **Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

- Tên tổ chức: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (ICIC)
- Mã chứng khoán: ICI
- Địa chỉ: Số 158, Hạ Đình, Phường Khương Đình, Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam.

Công ty ICIC báo cáo giải trình về một số ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên tại Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

I. Giải trình về các ý kiến của kiểm toán viên về ý kiến ngoại trừ tại BCTC năm 2025

1. *Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả không biến động:* Trong năm 2025 Công ty đã xử lý được một số các khoản Công nợ tồn đọng so với năm 2024. Tuy nhiên vẫn còn một số khoản công nợ phải thu, phải trả còn tồn đọng của Công ty đến thời điểm này chủ yếu liên quan đến các khoản công nợ của các công trình tồn đọng chưa thanh quyết toán và thu hồi được với các Chủ đầu tư do đó chưa có đủ cơ sở và điều kiện để thanh toán với các Đối sản xuất và các nhà Thầu phụ.

2. *Đối với chi phí dở dang không biến động trong năm số tiền 11,06 tỷ đồng:* Đây là các công trình dở dang đang trong quá trình làm việc với Chủ đầu tư để nghiệm thu và thanh quyết toán. Do nhiều nguyên nhân khách quan nên đơn vị chưa đủ cơ sở để xuất hóa đơn doanh thu đối với chi phí dở dang theo quy định.

3. *Đối với việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính:* Do kết quả kinh doanh năm 2025 còn thấp nên Công ty chưa thực hiện được trích lập đầy đủ bổ sung dự phòng các khoản đầu tư tài chính tại các công ty liên kết và đầu tư khác.

II. Các giải pháp khắc phục trong thời gian tới:

- Khai thác và chú trọng vào các các dự án mà Chủ đầu tư có năng lực tài chính, nguồn vốn rõ ràng, tránh bị chiếm dụng vốn dẫn đến tồn đọng công nợ cũng như hiệu quả công trình thấp, tiềm ẩn nhiều rủi ro;

- Phối hợp và tăng cường với Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan để kiểm tra, rà soát để hoàn thiện các thủ tục về hồ sơ pháp lý, thanh quyết toán dứt điểm các công trình còn tồn đọng, dở dang; Từ đó có cơ sở để thực hiện quyết toán nội bộ với các nhà thầu phụ/Đối khi dự án/công trình được Chủ đầu tư thanh quyết toán;

- Tăng cường, sát sao và quyết liệt hơn nữa đối với công tác đối chiếu xác nhận nợ, bù trừ nợ, đánh giá, phân loại nợ để có biện pháp và kế hoạch thu hồi cũng như thanh toán với từng khoản nợ.



- Tiết kiệm trong chi phí để nâng cao hiệu quả trong SXKD từ đó tích lũy các nguồn lực để xử lý các tồn tại tài chính, trích lập đầy đủ các khoản dự phòng (nếu có).

- Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại các đơn vị có vốn góp để có biện pháp xử lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty ICIC về ý ngoại trừ của TCKT đối với BCTC năm 2025 của Công ty

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Nhất Tuấn

